

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

LÝ LỊCH KHOA HỌC

(Dành cho ứng viên/thành viên các Hội đồng Giáo sư)



1. Thông tin chung

- Họ và tên: Đặng Đức Anh
- Năm sinh: 22/2/1964
- Giới tính: Nam
- Trình độ đào tạo (TS, TSKH) (năm, nơi cấp bằng): Tiến sỹ năm 2002 tại Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương
- Chức danh Giáo sư hoặc Phó giáo sư (năm, nơi bổ nhiệm):
 - + Phó Giáo sư, năm 2006, Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương, Bộ Y tế
 - + Giáo sư, năm 2013, Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương, Bộ Y tế
- Ngành, chuyên ngành khoa học: Vi sinh vật học
- Chức vụ và đơn vị công tác hiện tại (hoặc đã nghỉ hưu từ năm): Viện trưởng, Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương
- Chức vụ cao nhất đã qua: Viện trưởng
- Thành viên Hội đồng Giáo sư cơ sở (nếu có) (năm tham gia, tên hội đồng, cơ sở đào tạo):
 - + Thành viên Hội đồng Giáo sư cơ sở Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương, Bộ Y tế năm 2007-2015
 - + Chủ tịch Hội đồng Giáo sư cơ sở Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương, Bộ Y tế năm 2015-2017.
- Thành viên Hội đồng Giáo sư ngành (nếu có) (năm tham gia, tên hội đồng, nhiệm kỳ):

+ Thành viên Hội đồng chức danh Giáo sư ngành y học năm 2014-2017.

-Thành viên Hội đồng Giáo sư nhà nước (nếu có) (năm tham gia, tên hội đồng, nhiệm kỳ):.....

2. Thành tích hoạt động đào tạo và nghiên cứu (thuộc chuyên ngành đang hoạt động)

2.1. Sách chuyên khảo, giáo trình

a) Tổng số sách đã chủ biên: 10 sách chuyên khảo.

b) Danh mục sách chuyên khảo, giáo trình trong 05 năm liền kề với thời điểm được bổ nhiệm thành viên Hội đồng gần đây nhất (*tên tác giả, tên sách, nhà xuất bản, năm xuất bản, mã số ISBN, chỉ số trích dẫn*).

STT	Tên sách	Vai trò	Thông tin (Nhà xuất bản, Năm xuất bản, Mã số ISBN, Chỉ số trích dẫn)
1.	Vi khuẩn lao: sự tiến hóa, kháng thuốc và các kỹ thuật sinh học phân	Tham gia	Nhà xuất bản Y học, 2017, ISBN: 9786046629306

2.2. Các bài báo khoa học được công bố trên các tạp chí khoa học

a) Tổng số đã công bố: 122 bài báo tạp chí trong nước; 272 bài báo tạp chí quốc tế.

b) Danh mục bài báo khoa học công bố trong 05 năm liền kề với thời điểm được bổ nhiệm thành viên Hội đồng gần đây nhất (*tên tác giả, tên công trình, tên tạp chí, năm công bố, chỉ số IF và chỉ số trích dẫn - nếu có*):

- Trong nước:

1. Tăng Thị Nga, Lê Thị Trang, Vũ Thị Mai Hiền, Lê Huy Hoàng, **Đặng Đức Anh**, Phạm Bảo Yên, Nguyễn Thị Hương Giang, Đoàn Thu Trà, Nguyễn Trung Nguyên, Vũ Duy Nhân, Nguyễn Thùy Trâm. Phát hiện *Clostridium botulinum* trong mật ong, đất và thực phẩm đóng hộp tự chế biến ở một số

- ting miền Bắc Việt Nam năm 2019-2020. Tạp chí Y học dự phòng .Tập 31, số 2, 2021
2. Trần Thị Mai Hưng, Trần Huy Hoàng, Dương Thị Hồng, Nguyễn Trần Hiền, Lương Minh Tân, Nguyễn Thị Lan Phương, Nguyễn Thị Minh, Hồ Hoàng Dung, Nguyễn Thị Lan Anh, **Đặng Đức Anh**. Kiến thức, thực hành về sử dụng kháng sinh của bệnh nhân tại trạm y tế xã của một số vùng miền Việt Nam năm 2018-2019. Tạp chí Y học dự phòng. Tập 30, số 10, 2020.
 3. Lê Anh Tuấn, Đặng Thị Thương, Hoàng Thu Nga, Đỗ Nhật Phương, Hoàng Thị Huyền, Phạm Thị Khánh Linh, Trần Hoàng Mỹ Liên, Nguyễn Vân Trang, **Đặng Đức Anh**. Thực trạng nhiễm và kiến thức về vi rút gây u nhú ở người (HPV) của nhóm phụ nữ bán dâm tại Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh năm 2018. Tạp chí Y học dự phòng. Tập 30, số 10, 2020.
 4. Lê Anh Tuấn, Bùi Thanh Thúy, Trịnh Khánh Linh, Vương Đình Thành, Phạm Thị Thanh Duyên, Nguyễn Vân Trang, **Đặng Đức Anh**. Nhiễm HPV và kiến thức về vi rút gây u nhú ở người (HPV) của nhóm nam quan hệ tình dục đồng giới ở Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh năm 2018. Tạp chí Y học dự phòng. Tập 30, số 10, 2020.
 5. Le Anh Tuan, Tran Hoang My Lien, Bui Dieu Thuy Linh Anna, Hoang Tuan Anh, Nguyen Thi Thuy Duong, Nguyen Thi Chinh, Nguyen Van Trang, **Dang Duc Anh**. HPV infection and high - risk behaviours among men who have sex with men in the two biggest cities of Vietnam. Tạp chí Y học dự phòng số tiếng Anh. Tập 30, số 9, 2020.
 6. Nguyễn Tuyết Thu, Nguyễn Vĩnh Đông, Ngô Châu Giang, Satoshi Inoue, Nguyễn Thị Kiều Anh, Nguyễn Huy Điện, Nguyễn Văn Chuyên, Nguyễn Hoàng Trung, Ngô Quý Lâm, Nguyễn Văn Khải, **Đặng Đức Anh**. Một số đặc điểm di truyền các vùng kháng nguyên và một số vị trí Epitope liên kết với kháng thể trung hòa đơn dòng trên Glycoprotein của các vi rút đại phân lập tại Việt nam, 2015-2019. Tạp chí Y học dự phòng. Tập 30, số 8, 2020.

7. Nguyen Thai Son, Nguyen Le Van, Pham Thanh Hai, Luong Minh Hoa, Do Bich Ngoc, Nguyen Thi Minh, **Dang Duc Anh**, Hoang Thi Thu Ha. Predominant serovar of leptospira in unknown fever patients hospitalized at Military 103 hospital, Ha Dong, Hanoi, 2016-2018. Journal of Preventive Medicine. Tập 30, số 4, 2020.
8. Vũ Đình Thiêm, Nguyễn Thị Hiền Anh, Nguyễn Vân Trang, Chử Thị Ngọc Mai, Lê Thị Khánh Ly, Nguyễn Minh Hồng, **Đặng Đức Anh**, Tessa Braeckman, Jelle Mathijnsense và Piere VanDamme. Bước đầu ứng dụng phương pháp giải trình tự gen thế hệ mới trong phát hiện đa tác nhân ở trẻ có triệu chứng tiêu chảy cấp. Tạp chí Y học dự phòng, Tập 30, số 5, 2020.
9. Nguyễn Vân Trang, Nguyễn Hiền Anh, Nguyễn Phương Anh, Chử Thị Ngọc Mai, Lê Thị Khánh Ly, Trần Thị Nguyệt Lan, Nguyễn Minh Hồng, **Đặng Đức Anh**, Tessa Braeckman, Pierre Van Damme, Vũ Đình Thiêm. Ảnh hưởng của kháng thể trong sữa mẹ đối với đáp ứng miễn dịch với vắc xin phòng tiêu chảy do Rotavirus ở trẻ em Việt Nam. Tạp chí Y học dự phòng . Tập 30, số 5, 2020
10. Nguyễn Thị Hiền Anh, Tessa Braeckman, Nguyễn Vân Trang, Chử Thị Ngọc Mai, Lê Thị Khánh Ly, **Đặng Đức Anh**, Vũ Đình Thiêm, Pierre Van Damme. Kháng thể trong sữa mẹ và đáp ứng miễn dịch với vắc xin phòng tiêu chảy do Rotavirus ở trẻ em tại Bỉ, 2014-2015. Tạp chí Y học dự phòng. Tập 30, số 5, 2020.
11. Lê Anh Tuấn, Nguyễn Vân Trang, Chử Thị Ngọc Mai, Lê Thị Khánh Ly, Trần Hoàng Mỹ Liên, Phạm Thị Thanh Duyên, **Đặng Đức Anh**. Tỷ lệ nhiễm HPV và hành vi nguy cơ lây nhiễm HPV trong nhóm nam quan hệ tình dục đồng giới ở Hà Nội năm 2018. Tạp chí Y học dự phòng. Tập 30, số 5, 2020.
12. Duong Thi Hong, Luong Minh Hoa, Nguyen Lien Huong, Hoang Hong Mai, Pham Thanh Hai, Cao Xuan An, **Dang Duc Anh** and Hoang Thi Thu Ha. A serological study of Diphtheria, Tetanus and Pertussis using an Enzyme

- Linked Immunosorbent Assays in the women of child bearing age, Hai Duong province, Vietnam. Journal of Preventive Medicine. Tập 29, số 4, 2019
13. Luong Minh Tan, Hoang Thi Thu Ha, Pham Quang Thai, Le Anh Tuan, Tran Thi Mai Hung, Jason K. Blackburn and **Dang Duc Anh**. Injectional anthrax among people who inject drugs and implications for research in Vietnam: a literature review. Journal of Preventive Medicine. Tạp chí Y học dự phòng .Tập 29, số 4, 2019
14. Lại Vũ Kim, Nguyễn Đồng Tú, Đặng Đức Nhu, Lê Đăng Hải, Ngô Tuấn Cường, Nguyễn Hoài Thu, Lê Thanh Hương, **Đặng Đức Anh**. Sự lưu hành và đặc điểm của một số thực khuẩn thể tả (vibriophage) phân lập tại miền bắc Việt Nam. Tạp chí Y học dự phòng. Tập 29, số 13, 2019
15. Đoàn Đức Hùng, **Đặng Đức Anh**, Hồ Văn Hoàng, Nguyễn Duy Sơn. Thực trạng và một số yếu tố liên quan đến nhiễm ký sinh trùng sốt rét của người dân tại huyện Krong pa tỉnh Gia Lai, năm 2019. Tạp chí Y học dự phòng . Tập 29, số 13, 2019
16. Vũ Vi Quốc, Ngũ Duy Nghĩa, Ngô Huy Tú, Trần Ngọc Thanh, Phạm Thị Cẩm Hà, Nguyễn Thị Thường, Lê Thị Hiền Thu, Trần Thị Nguyễn Hòa, Vũ Sinh Nam, **Đặng Đức Anh**, Trần Như Dương. Một số tác nhân phổ biến gây viêm não vi rút tại 3 tỉnh khu vực tây Bắc. Tạp chí Y học dự phòng. Tập 29, số 12, 2019
17. Đinh Đức Thiện, **Đặng Đức Anh**, Trần Như Dương, Ngũ Duy Nghĩa. Thực trạng cơ sở vật chất, trang thiết bị chuyên môn và nhân lực tại các trung tâm kiểm dịch y tế quốc tế khu vực miền bắc, 2018. Tạp chí Y học dự phòng. Tập 29, số 12, 2019
18. Phạm Thọ Dược, **Đặng Đức Anh** , Nguyễn Lê Mạnh Hùng , Phạm Ngọc Thanh , Phạm Văn Doanh, Phạm Văn Lào , Trần Thuận. Kiến thức, thái độ, thực hành về phòng chống bệnh do vi rút zika của người dân huyện Kroong buk tỉnh Đắk Lawk, năm 2017. Tạp chí Y học dự phòng .Tập 29, số 2, 2019

19. Tổng Thị Hà, Nguyễn Thị Hiền Anh, Vũ Thị Thu Hương, Lê Huy Hoàng, Lê Thị Kim Anh, Phạm Văn Ty, **Đặng Đức Anh**. Mối liên quan giữa typ huyết thanh và tính kháng kháng sinh của vi khuẩn *Streptococcus pneumoniae* phân lập từ bệnh nhi dưới 5 tuổi nhập viện tại một số địa phương ở Việt Nam. Tạp chí Y học dự phòng, Tập 28, số 1, 2018.
20. Lương Minh Hòa, Hoàng Hồng Mai, Đỗ Thị Thúy Nga, Nguyễn Thùy Trâm, Phạm Thanh Hải, Đỗ Thiện Hải, Dương Thị Hồng, **Đặng Đức Anh**, Hoàng Thị Thu Hà. Đánh giá kháng thể IgG kháng ho gà ở bà mẹ có trẻ dưới 3 tháng tuổi mắc và không mắc bệnh ho gà tại bệnh viện Nhi trung ương, 2017-2018. Tạp chí Y học dự phòng. Tập 28, số 4, 2018 Phụ bản.
21. Chử Thị Ngọc Mai, Lê Thị Khánh Ly, Phạm Thị Thanh Huyền, Trần Đức Cảnh, Vũ Thanh Minh, Phạm Hoàng Hưng, Hoàng Mai Linh, Hồ Hữu Thiện, Tomoikiro Oka, **Đặng Đức Anh**, Elenor Burnet, Jacqueline Tates, Umesh Parasshar, Nguyễn Vân Trang. Một số tác nhân vi rút liên quan đến bệnh lòng ruột ở Việt Nam. Tạp chí Y học Dự phòng số đặc biệt Hội nghị khoa học Viện vệ sinh Dịch tễ Trung ương. Tập 28 số 7, 2018.
22. Trần Vũ Phong, Trần Công Tú, Vũ Trọng Dục, Nguyễn Đồng Tú, Nguyễn Đức Thịnh, Phạm Anh Tuấn, Nguyễn Nhật Cảm, Lê Thị Hoàng Ngân, Nguyễn Chí Thành, Vũ Sinh Nam, **Đặng Đức Anh**, Trần Như Dương. Đánh giá hiệu quả diệt chuột và dư lượng ở môi trường của chế phẩm sinh học diệt chuột Biorat (*Salmonella Enteritidis*) tại Hà Nội năm 2018. Tạp chí Y học Dự phòng số đặc biệt Hội nghị khoa học Viện vệ sinh Dịch tễ Trung ương. Tập 28 số 7, 2018.
23. Trần Diệu Linh, Nguyễn Thị Kim Phương, Phạm Duy Thái, Nguyễn Thanh Thủy, **Đặng Đức Anh**, Trần Như Dương, Phạm Văn Ty, Phan Quốc Hoàn, Lê Văn Hưng, Trần Huy Hoàng. Vi khuẩn Gram âm mang gen mã hoá enzyme carbapenemase phân lập tại bệnh viện Trung ương Quân đội 108 trong giai đoạn từ 2014 đến 2015. Tạp chí Y học dự phòng, 1(28), 2018.

24. Nguyen Thi Ut, Nguyen Thanh Ngan, Nguyen Thuy Tram, Pham Thanh Hai, Luong Minh Hoa, Le Thanh Hai, Phung Dac Cam, **Dang Duc Anh** and Hoang Thi Thu Ha. Primary clarithromycin-resistant *Helicobacter pylori* in Vietnamese gastroduodenal pediatric patients. Tạp chí Y học Dự phòng tiếng Anh số 27 (12), 2017.
25. Tổng Thị Hà, Nguyễn Thị Hiền Anh, Vũ Thị Thu Hương, Lê Huy Hoàng, Lê Thị Kim Anh, Phạm Văn Ty, **Đặng Đức Anh**. Xác định tình trạng kháng kháng sinh của vi khuẩn *S.pneumoniae* phân lập trên bệnh phẩm lâm sàng tại bệnh viện đa khoa Khánh Hòa năm 2008-2013. Tạp chí Y học Dự phòng, Tập 27, số 8-2017.
26. Nguyễn Thị Vân Anh, **Đặng Đức Anh**. Phân bố dòng vi khuẩn *Mycobacterium tuberculosis* theo mức độ kháng thuốc ở Việt Nam. Tạp chí y học dự phòng Tập 27 số 6 phụ bản, 2017.
27. Phạm Duy Thái, Trần Diệu Linh, Nguyễn Hoài Thu, Trần Huy Hoàng, Trịnh Hồng Sơn, Trần Thị Vân Phương, Nguyễn Hiệp Lê Yên, **Đặng Đức Anh**, Trịnh Thanh Hùng, Chu Thị Loan, Lưu Thị Vũ Nga, Lê Thị Ngân, Trần Như Dương. Ứng dụng kỹ thuật Southern Blotting phát hiện các plasmid mang gen KPC của các chủng vi khuẩn đường ruột phân lập trên các mẫu bệnh phẩm lâm sàng tại các bệnh viện ở Hà Nội. Tạp chí Y học Dự Phòng, 27(3), 2017.
28. Phạm Thanh Hải, Nguyễn Thùy Trâm, Lương Minh Hòa, Nguyễn Thái Sơn, Nguyễn Kiều Anh, Nguyễn Nhật Cảm, **Đặng Đức Anh**, Hoàng Thị Thu Hà. Đánh giá bộ sinh phẩm in-house IgM ELISA trong chẩn đoán nhiễm trùng do *Leptospira* tại Việt Nam. Tạp chí Y học dự phòng Tập 27, Số 6 phụ bản, 2017.
29. Vu Trong Duoc, Vu Sinh Nam, **Dang Duc Anh**, Le Thi Quynh Mai, Tran Dac Phu, Dang Quang Tan, Nguyen Duc Khoa, Pham Hung, Bui Huy Hoang and Tran Nhu Duong. The report of Zika virus disease in Vietnam, 2016. Tạp chí Y học Dự phòng tiếng Anh 2017; 27 (4): 124 - 131.

30. Hoang Thi Thu Ha, Hideaki Ohno, Luong Minh Hoa, Nguyen Thuy Tram, Pham Thanh Hai, Nguyen Thai Son, Nguyen Van Tien, Duong Ngoc Thuy, Nguyen Tran Hien and **Dang Duc Anh**. Seroprevalence of Histoplasmosis in lung infection patients in Hanoi hospitals. *Tạp chí Y học Dự phòng tiếng Anh* XXVI, 3(176), 2016.
31. Trần Huy Hoàng, Phạm Duy Thái, Trần Thị Vân Phương, Nguyễn Hiệp Lê Yên, **Đặng Đức Anh**, Lê Thị Ngân, Trần Như Dương. Đánh giá khả năng truyền plasmid mang gen NDM-1 của các chủng vi khuẩn gram âm phân lập trên bệnh nhân điều trị tại bệnh viện Việt Đức, Hà Nội, 2010-2011. *Tạp chí Y học Dự Phòng*, 10 (183), 2016.
32. Tống Thị Hà, Nguyễn Thị Hiền Anh, Lê Huy Hoàng, Lê Thị Kim Anh, Vũ Thị Thu Hương, **Đặng Đức Anh**. Xác định typ huyết thanh vi khuẩn *Streptococcus pneumoniae* phân lập từ trẻ dưới 5 tuổi viêm đường hô hấp cấp tại bệnh viện Bạch Mai bằng kỹ thuật PCR đa mồi năm 2013. *Tạp chí Y học dự phòng*, Tập 26, số 10(183), 2016.
33. Phạm Duy Thái, Lưu Thị Vũ Nga, Trần Thị Vân Phương, Nguyễn Hiệp Lê Yên, **Đặng Đức Anh**, Trần Như Dương, Trần Huy Hoàng. Sự xuất hiện vi khuẩn đường ruột mang gen NDM-1 phân lập trên bệnh nhân điều trị tại bệnh viện Thanh Nhàn, Hà Nội giai đoạn 2010-2014, *Tạp chí Y học Dự Phòng*, 10(183), 2016.
34. Trần Như Dương, Vũ Hải Hà, Phạm Quang Thái, Phạm Văn Khang, Nguyễn Thị Thu Hương, Lê Hải Đăng, Nguyễn Văn Dũng, Trần Thị Lan Anh, Trần Mạnh Tùng, Nguyễn Thị Mai Duyên, Triệu Thị Thanh Vân, Đỗ Phương Loan, **Đặng Đức Anh**. Một số đặc điểm dịch tễ hội chứng rubella bẩm sinh được giám sát tại bệnh viện Nhi trung ương, 2011-2016. *Tạp chí Y học dự phòng* Tập XXVI, số 10 (183), 2016.
35. Nguyễn Hoài Thu, Trần Diệu Linh, Nguyễn Thị Tuyết Mai, Phạm Duy Thái, Trần Vân Phương, Nguyễn Hiệp Lê Yên, Trần Như Dương, **Đặng Đức Anh**,

- Nguyễn Bình Minh, Đinh Duy Kháng, Phạm Văn Ty, Trần Huy Hoàng. Tỷ lệ vi khuẩn mang gen mã hóa tính kháng Extended- β -lactamases (ESBLs) trên các chủng vi khuẩn đường ruột kháng Carbapenem mang gen blaKPC-2 phân lập tại các bệnh viện. Tạp chí Y học Dự Phòng, Tập XXVI, số 7(180). 2016.
36. Nguyễn Hoài Thu, Trần Diệu Linh, Nguyễn Thị Tuyết Mai, Phạm Duy Thái, Trần Vân Phương, Nguyễn Hiệp Lê Yên, Trần Như Dương, **Đặng Đức Anh**, Nguyễn Bình Minh, Đinh Duy Kháng, Phạm Văn Ty, Trần Huy Hoàng. Dịch tễ học phân tử của các chủng *Klebsiella pneumoniae* sinh Klebsiella pneumoniae carbapenemase-2 (KPC-2) phân lập tại Bệnh viện Xanh Pôn. Tạp chí Y học Dự Phòng, Tập XXVI, số 8 (181), 2016.
37. Đặng Thị Thanh Huyền, Dương Thị Hồng, Bùi Huy Phương, **Đặng Đức Anh**. Đánh giá tình trạng kháng thể IgG kháng sởi ở trẻ từ 2-9 tháng tuổi tại huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương. Tạp chí Y học Dự phòng Tập XXVI, số 6 (179), 2016.
38. Trần Như Dương, Nguyễn Trần Hiền, Phạm Thị Cẩm Hà, Vũ Đình Thiêm, Ngũ Duy Nghĩa, **Đặng Đức Anh**. Tình hình bệnh truyền nhiễm tại miền Bắc Việt Nam, giai đoạn 2000 – 2014. Tạp chí Y học dự phòng Tập XXVI, số 10 (183), 2016.
- Quốc tế:
1. Hoang Vu Mai Phuong, Trinh Son Tung, Ung Thi Hong Trang, Nguyen Le Khanh Hang, Nguyen Vu Son, Pham thi Hien, Le thi Thanh, Vuong Duc Cuong, Ton That Thanh, Nguyen Thi Thanh Nhan, Tran Nhu Duong, Ngu Duy Nghia, Tran Anh Tu, Marc Choisy, Maia A. Rabaa, H. Rogier van Doorn, **Dang Duc Anh**, and Le Quynh Mai. Novel Mutation of SARS-CoV-2, Vietnam, July 2020. Emerging infectious diseases, Volume 27, Number 5—May 2021. SCIE (IF: 7,42).
 2. Satoh C, Toizumi M, Nguyen HAT, Hara M, Bui MX, Iwasaki C, Takegata M, Kitamura N, Suzuki M, Hashizume M, Dang DA, Kumai Y, Yoshida LM,

- Kaneko KI. Prevalence and characteristics of children with otitis media with effusion in Vietnam. *Vaccine*. 2021 Apr 12; S0264-410X(21)00410-2. doi: 10.1016/j.vaccine.2021.03.094. SCIE (IF: 3,14).
3. Lafond KE, Porter RM, Whaley MJ, Suizan Z, Ran Z, Aleem MA, Thapa B, Sar B, Proschle VS, Peng Z, Feng L, Coulibaly D, Nkwembe E, Olmedo A, Ampofo W, Saha S, Chadha M, Mangiri A, Setiawaty V, Ali SS, Chaves SS, Otorbaeva D, Keosavanh O, Saleh M, Ho A, Alexander B, Oumzil H, Baral KP, Huang QS, Adebayo AA, Al-Abaidani I, von Horoch M, Cohen C, Tempia S, Mmbaga V, Chittaganpitch M, Casal M, **Dang DA**, Couto P, Nair H, Bresee JS, Olsen SJ, Azziz-Baumgartner E, Nuorti JP, Widdowson MA. Global burden of influenza-associated lower respiratory tract infections and hospitalizations among adults: A systematic review and meta-analysis. *PLoS Med*. 2021 Mar 1;18(3):e1003550. doi: 10.1371/journal.pmed.1003550. eCollection 2021 Mar. SCIE (IF: 10,5)
4. Miyakawa M, Yoshida LM, Nguyen HT, Takahashi K, Le TH, Yasunami M, Ariyoshi K, **Dang DA**, Moriuchi H. Hepatitis B virus infection among pregnant mothers and children after the introduction of the universal vaccination program in Central Vietnam. *Sci Rep* . 2021 Apr 21;11(1):8676. doi: 10.1038/s41598-021-87860-1. SCIE (IF: 3,99).
5. Althouse BM, Flasche S, Toizumi M, Nguyen HT, Vo HM, Le MN, Hashizume M, Ariyoshi K, **Anh DD**, Rodgers GL, Klugman KP, Hu H, Yoshida LM. Differences in clinical severity of respiratory viral infections in hospitalized children. *Sci Rep*. 2021 Mar 4;11(1):5163. doi: 10.1038/s41598-021-84423-2. SCIE (IF: 3,99).
6. Tran Nhu Duong, Le Thi Quynh Mai, Nguyen Tran Hien, Ngu Duy Nghia, Nguyen Trong Khoa, Nguyen Hai Tuan, Tran Anh Tu, Ngo Huy Tu, Hoang Vu Mai Phuong and **Dang Duc Anh (correspondence)**. The first community

- outbreak of COVID-19 in Viet Nam: description and lessons learned. WPSAR Vol 12, No 2, 2021 | doi: 10.5365/wpsar.2020.11.2.016. Scopus (Q2)
7. Thai Quang Pham, Ngoc-Anh Hoang, Ha-Linh Quach, Khanh Cong Nguyen, Samantha Colquhoun, Stephen Lambert, Luong Huy Duong, Quang Dai Tran, Duc Anh Ha, Dinh Cong Phung, Nghia Duy Ngu, Tu Anh Tran, Quang Ngoc La, Tai Trong Nguyen, Quynh Mai Thi Le, Duong Nhu Tran, Florian Vogt and **Duc-Anh Dang (last authorship)**. Timeliness of contact tracing among flight passengers during the COVID-19 epidemic in Vietnam. BMC infectious Diseases. 2021, 21:393, <https://doi.org/10.1186/s12879-021-06067-x>. SCIE (IF: 2,688).
 8. Mohamed YH, Toizumi M, Uematsu M, Nguyen HT, Le LT, Takegata M, Iwasaki C, Kitamura N, Nation ML, Dunne EM, Hinds J, Do HT, Vien MQ, Satzke C, Flasche S, Mulholland K, **Dang DA**, Kitaoka T, Yoshida LM. Prevalence of *Streptococcus pneumoniae* in conjunctival flora and association with nasopharyngeal carriage among children in a Vietnamese community. Sci Rep. . 2021 Jan 11;11(1):337. SCIE (IF: 3,99).
 9. Pham Quang Thai, Maia A Rabaa, Duong Huy Luong, Dang Quang Tan, Tran Dai Quang, Ha-Linh Quach, Ngoc-Anh Hoang Thi, Phung Cong Dinh, Ngu Duy Nghia, Tran Anh Tu, La Ngoc Quang, Tran My Phuc, Vinh Chau, Nguyen Cong Khanh, **Dang Duc Anh (Correspondence)**, Tran Nhu Duong, Guy Thwaites, H Rogier van Doorn, and Marc Choisy⁴; OUCRU COVID-19 Research Group. The First 100 Days of Severe Acute Respiratory Syndrome Coronavirus 2 (SARS-CoV-2) Control in Vietnam. Clinical Infectious Diseases, 2020; XX(XX): 1–9. SCIE (IF: 8,313)
 10. Pare G, Neupane B, Eskandarian S, Harris E, Halstead S, Gresh L, Kuan G, Balmaseda A, Villar L, Rojas E, Osorio JE, Anh DD, De Silva AD, Premawansa S, Premawansa G, Wijewickrama A, Lorenzana I, Parham L, Rodriguez C, Fernandez-Salas I, Sanchez-Casas R, Diaz-Gonzalez EE, Saw

- Aye K, May WL, Thein M, Bucardo F, Reyes Y, Blandon P, Hirayama K, Weiss L, Singh P, Newton J, Loeb M. Genetic risk for dengue hemorrhagic fever and dengue fever in multiple ancestries. *EBioMedicine*. 2020 Jan;51:102584. doi: 10.1016/j.ebiom.2019.11.045. Epub 2020 Jan 2. SCIE (IF: 5,736)
11. Hoang TTH, **Dang DA**, Pham TH, Luong MH, Tran ND, Nguyen TH, Nguyen TT, Nguyen TT, Inoue S, Morikawa S, Okutani A. Epidemiological and comparative genomic analysis of *Bacillus anthracis* isolated from northern Vietnam. *PLoS One*. 2020 Feb 21;15(2):e0228116. doi: 10.1371/journal.pone.0228116. eCollection 2020. SCIE (IF: 2,74)
12. Yoshihara K, Le MN, Toizumi M, Nguyen HA, Vo HM, Odagiri T, Fujisaki S, Ariyoshi K, Moriuchi H, Hashizume M, **Dang DA**, Yoshida LM. Influenza B associated paediatric acute respiratory infection hospitalization in central vietnam. *Influenza Other Respir Viruses*. 2019 May;13(3):248-261. doi: 10.1111/irv.12626. Epub 2019 Feb 28. PMID: 30575288. SCIE (IF: 2,388).
13. Yoshihara K, Minh LN, Okada T, Toizumi M, Nguyen HA, Vo HM, Hashizume M, **Dang DA**, Kimura H, Yoshida LM. Evolutionary dynamics of influenza B strains detected from paediatric acute respiratory infections in central Vietnam. *Infect Genet Evol* . 2020 Jul;81:104264. doi: 10.1016/j.meegid.2020.104264. Epub 2020 Feb 24. SCIE (IF: 2,773)
14. Hiraoka T, Cuong NC, Hamaguchi S, Kikuchi M, Katoh S, Anh LK, Anh NTH, **Anh DD**, Smith C, Maruyama H, Yoshida LM, Cuong DD, Thuy PT, Ariyoshi K. Meningitis patients with *Angiostrongylus cantonensis* may present without eosinophilia in the cerebrospinal fluid in northern Vietnam. *PLoS Negl Trop Dis* . 2020 Dec 22;14(12):e0008937. doi: 10.1371/journal.pntd.0008937. eCollection 2020 Dec. SCIE (IF: 3,885).

15. **Anh DD**, Choisy M, Clapham HE, Cuong HQ, Dung VTV, Duong TN, Hang NLK, Ha HTT, Hien NT, Hoa TTN, Hung TTM, Huong VTL, Huyen DTT, Khanh NC, Lewycka SO, Linley E, Mai LTQ, Nadjm B, Nghia ND, Pebody R, Phuong HVM, Tan LM, Van Tan L, Thai PQ, Thanh LV, Le Thanh NT, Thuy NTT, Thuong NT, Thanh LT, Thao NTT, Tuan NA, Uyen PTN, Rogier van Doorn H. Plans for Nationwide Serosurveillance Network in Vietnam. *Emerg Infect Dis.* 2020 Jan;26(1):e190641. doi: 10.3201/eid2601.190641. PMID: 31855527; PMCID: PMC6924907. IF=7.42.
16. Le TQM, Takemura T, Moi ML, Nabeshima T, Nguyen LKH, Hoang VMP, Ung THT, Le TT, Nguyen VS, Pham HQA, Duong TN, Nguyen HT, Ngu DN, Nguyen CK, Morita K, Hasebe F, **Dang DA**. Severe Acute Respiratory Syndrome Coronavirus 2 Shedding by Travelers, Vietnam, 2020. *Emerg Infect Dis.* 2020 Jul 2;26(7). IF=7.42.
17. Duong TN, Thiem VD, **Anh DD**, Cuong NP, Thang TC, Huong VM, Chien VC, Phuong NTL, Montomoli E, Holt R, Scorza FB, Flores J, Tewari T. A Phase 2/3 double blinded, randomized, placebo-controlled study in healthy adult participants in Vietnam to examine the safety and immunogenicity of an inactivated whole virion, alum adjuvanted, A(H5N1) influenza vaccine (IVACFLU-A/H5N1). *Vaccine.* 2020 Feb 5;38(6):1541-1550. IF=3.269.
18. Burnett E, Kabir F, Van Trang N, Rayamajhi A, Satter SM, Liu J, Yousafzai MT, **Anh DD**, Basnet AT, Flora MS, Houpt E, Qazi SH, Canh TM, Rayamajhi AK, Saha BK, Saddal NS, Muneer S, Hung PH, Islam T, Ali SA, Tate JE, Yen C, Parashar UD. Infectious Etiologies of Intussusception Among Children <2 Years Old in 4 Asian Countries. *J Infect Dis.* 2019 Nov 7;221(9):1499-1505. doi: 10.1093/infdis/jiz621. SCIE (IF: 5,022).
19. Toizumi M, Yoshida LM, Suzuki M, Nguyen HAT, Pinsent A, **Dang DA**, Flasche S. Infant contact in day-care centres in Vietnam: A cross-sectional

- study to understand infant infection risk. Wellcome Open Res. 2019 Jun 11;4:75. IF=1.
- 20.Choisy M, Trinh ST, Nguyen TND, Nguyen TH, Mai QL, Pham QT, Tran ND, **Dang DA**, Horby PW, Boni MF, Bryant J, Lewycka SO, Nadjm B, Van Doorn HR, Wertheim HFL. Sero-Prevalence Surveillance to Predict Vaccine-Preventable Disease Outbreaks; A Lesson from the 2014 Measles Epidemic in Northern Vietnam. Open Forum Infect Dis. 2019 Jan 24;6(3):ofz030. IF=3.371
- 21.Hien Anh Thi Nguyen, Hiroshi Fujii, Huong Thi Thu Vu, Christopher M. Parry, **Anh Duc Dang**, Koya Ariyoshi and Lay-Myint Yoshida. An alarmingly high nasal carriage rate of Streptococcus pneumoniae serotype 19F non-susceptible to multiple beta-lactam antimicrobials among Vietnamese children. BMC Infect Dis. 2019 Mar 11;19(1):241. IF 2.949.
- 22.Yoshihara K, Le MN, Toizumi M, Nguyen HA, Vo HM, Odagiri T, Fujisaki S, Ariyoshi K, Moriuchi H, Hashizume M, **Dang DA**, Yoshida LM. Influenza B associated paediatric acute respiratory infection hospitalization in central vietnam. Influenza Other Respir Viruses. 2019 May;13(3):248-261. IF=2.954.
- 23.Toizumi Michiko, Vo Hien Minh, **Dang Duc Anh**, Moriuchi Hiroshi, Yoshida lay Myint. Clinical manifestations of congenital rubella syndrome: A review of our experience in Vietnam. Vaccine. 2019 Jan 3;37(1). IF: 3.235.
- 24.Anna Lena Lopez, Shanta Dutta, Firdausi Qadri, Ly Sovann, Basu Dev Pandey, Wan Mansor, Bin Hamzah, Iqbal Memon, Sapon Iamsirithaworn, **Dang Duc Anh**, Michelle Yladea. Cholera in selected countries in Asia. Vaccine. 2019 Jul 17; IF:3.235.
- 25.Hong Duong Thi, Hien Nguyen Dang, Thao Pham thi Phuong, **Anh Dang Duc**, Mai Hoang Hong, Huyen Do thi, Huong Nguyen Lien, Nakayama Tesuo. Immunogenicity of the AIK-C measles vaccine in infants aged <9 months in Vietnam. Vaccine. 2019 Jul 26;37(32):4576-4580. IF=3.235.

26. Mesbah Uddin Ahmed, Mario Baquilod, Claudio Deola, Nguyen Dong Tu, **Dang Duc Anh**, Cindy Grasso, Anu Gautam, Wan Mansor Hamzah, Seng Heng, Sopon Iamsirithaworn, Musal Kadim, S. K. Kar, Mai Le Thi Quynh, Anna Lena Lopez, Julia Lynch, Iqbal Memon, Martin Mengel, Vu Ngoc Long, Basu Dev Pandey, Firdausi Quadri, Mitra Saadatian-Elahi, Sanjukta Sen Gupta, Ashraf Sultan, Dipika Sur, Dang Quang Tan, Hoang Thi Thu Ha, Nguyen Tran Hein, Phan Trong Lan, Shyam Raj Upreti, Hubert Endtz, N. K. Ganguly, Dominique Legros, Valentina Picot, corresponding author and G. Balakrish Nair. Cholera prevention and control in Asian countries. BMC Proc. 2018 Dec 7;12(Suppl 13):62/ IF: 0.67.
27. Tuan Anh Le, Mai Quynh Thi Le, **Anh Duc Dang**, Anh Kim Dang, Cuong Tat Nguyen, Hai Quang Pham, Giang Thu Vu, Chi Linh Hoang, Tung Thanh Tran, Quan-Hoang Vuong, Tung Hoang Tran, Bach Xuan Tran, Carl A. Latkin, Cyrus S. H. Ho and Roger C. M. Ho. Multi-level predictors of psychological problems among methadone maintenance treatment patients in difference types of settings in Vietnam. Subst Abuse Treat Prev Policy. 2019 Sep 18;14(1):39. IF=2.101.
28. Nguyen HTT, Nguyen HT, Nguyen TTT, Urabe MI, Pham TN, **Dang AD**, Afriyie DO, Tran DN, Otsu S. Progress towards rabies control and elimination in Vietnam. Rev. Sci. Tech. Off. Int. Epiz., 2019, 38 (1), 199–212. IF=0.503.
29. Le TA, **Dang AD**, Tran AHT, Nguyen LH, Nguyen THT, Phan HT, Latkin CA, Tran BX, Ho CSH, Ho RCM. Factors Associated with Sleep Disorders among Methadone-Maintained Drug Users in Vietnam. International Journal of Environmental Research and Public Health 2019, 16, 4315; doi:10.3390/ijerph16224315; IF=2,468.
30. Nam Sinh Vu, Son Hai Tran, Phong Vu Tran, Tu Cong Tran, Duong Nhu Tran, **Anh Duc Dang**, Yen Thi Nguyen, Lieu Thi Vu, Phuong Khanh Ngo,

- Hoang Viet Nguyen, Cécile Cassan, Chau Van Nguyen, Nil Rahola, Anne-Laure Bañuls. Diversity and Ecology of Sand Flies (Diptera: Psychodidae), Potential Vectors of Leishmania in the Quang Ninh Province, Vietnam. *Journal of Medical tomology*, XX(X), 2019, 1–9. IF=1,9.
31. Tran CH, Afriyie DO, Pham TN, Otsu S, Urabe M, **Dang AD**, Tran HGT, Nguyen HV, Le HT, Nguyen HTT. Rabies post-exposure prophylaxis initiation and adherence among patients in Vietnam, 2014–2016. *Vaccine*. 2019 Oct IF=3.269.
32. Toizumi M, Hashizume M, Nguyen HAT, Yasunami M, Kitamura N, Iwasaki C, Takegata M, Moriuchi H, **Dang DA**, Ariyoshi K, Yoshida LM. Asthma, Rhinoconjunctivitis, Eczema, and the Association with Perinatal Anthropometric Factors in Vietnamese Children. *Sci Rep*. 2019 Feb 25; 9(1):2655. IF=4.116.
33. Hoa-Tran TN, Nakagomi T, Vu HM, Kataoka C, Nguyen TTT, Dao ATH, Nguyen AT, Takemura T, Hasebe F, **Dang AD**, Nakagomi O. Whole genome characterization of feline-like G3P[8] reassortant rotavirus A strains bearing the DS-1-like backbone genes detected in Vietnam, 2016. *Infect Genet Evol*. 2019 Apr 9;73:1-6. IF=2.611.
34. Huyen DTT, Mach O, Thanh Trung N, Thai PQ, Thang HV, Weldon WC, Oberste MS, Jeyaseelan V, Sutter RW, **Anh DD**. Rapid Disappearance of Poliovirus Type 2 (PV2) Immunity in Young Children Following Withdrawal of Oral PV2-Containing Vaccine in Vietnam. *J Infect Dis*. 2019 Jul 2;220(3):386-391. IF=5.
35. Loeb M, **Dang AD**, Thiem VD, Thanabalan V, Wang B, Nguyen NB, Tran HTM, Luong TM, Singh P, Smieja M, Maguire J, Pullenayegum E. Effect of Vitamin D supplementation to reduce respiratory infections in children and adolescents in Vietnam: a randomized controlled trial. *Influenza and other respiratory viruses*. Oct. 2018; 1-8. doi.org/10.1111/irv.12615. IF=3,094.

36. Lee HS, Thiem VD, **Anh DD**, Duong TN, Lee M, Grace D, Nguyen-Viet H. Geographical and temporal patterns of rabies post exposure prophylaxis (PEP) incidence in humans in the Mekong River Delta and Southeast Central Coast regions in Vietnam from 2005 to 2015. *PLoS One*. 2018 Apr 10;13(4):e0194943. IF=1.95.
37. Quyen DL, Thanh Le N, Van Anh CT, Nguyen NB, Hoang DV, Montgomery JL, Kutcher SC, Hoang Le N, Hien NT, Hue Kien DT, Rabaa M, O'Neill SL, Simmons CP, **Anh DD**, Anders KL. Epidemiological, Serological, and Virological Features of Dengue in Nha Trang City, Vietnam. *Am J Trop Med Hyg*. 2018 Feb. IF: 2.56.
38. Toizumi M, Suzuki M, Nguyen HAT, Le MN, Ariyoshi K, Moriuchi H, Hashizume M, **Dang DA**, Yoshida LM. Viral acute respiratory illnesses in young infants increase the risk of respiratory readmission. *The Pediatric Infectious Disease Journal*. 37(12):1217–1222, DEC 2018. IF 2.3.
39. Althouse BM, Flasche S, Minh LN, Thiem VD, Hashizume M, Ariyoshi K, **Anh DD**, Rodgers GL, Klugman KP, Hu H, Yoshida LM. Seasonality of respiratory viruses causing hospitalizations for acute respiratory infections in children in Nha Trang, Vietnam. *Int J Infect Dis*. 2018 Oct. IF 3.2.
40. Le Polain De Waroux O, Edmunds WJ, Takahashi K, Ariyoshi K, Mulholland EK, Goldblatt D, Choi YH, **Anh DD**, Yoshida LM, Flasche S. Predicting the impact of pneumococcal conjugate vaccine programme options in Vietnam. *Hum Vaccin Immunother*. 2018. IF: 2.2.
41. Alroy KA, Do TT, Tran PD, Dang TQ, Vu LN, Le NTH, **Dang AD**, Ngu ND, Ngo TH, Hoang PVM, Phan LT, Nguyen TV, Nguyen LT, Nguyen TV, Vien MQ, Le HX, Dao AT, Nguyen TB, Pham DT, Nguyen VTT, Pham TN, Phan BH, Whitaker B, Do TTT, Dao PA, Balajee SA, Mounts AW. Expanding severe acute respiratory infection (SARI) surveillance beyond

- influenza: The process and data from 1 year of implementation in Vietnam. *Influenza Other Respi Viruses*. 2018;1–11. IF: 2.95.
- 42.Huyen DTT, Hong DT, Trung NT, Hoa TTN, Oanh NK, Thang HV, Thao NTT, Hung DM, Iijima M, Fox K, Grabovac V, Heffelfinger J, Batmunkh N, **Anh DD**. Epidemiology of acute diarrhea caused by rotavirus in sentinel surveillance sites of Vietnam, 2012-2015. *Vaccine*; 2018; IF: 3.285.
- 43.Nguyen HTT, Tran CH, **Dang AD**, Tran HGT, Vu TD, Pham TN, Nguyen HV, Nguyen ANK, Pieracci EG, Tran DN. Rabies Vaccine Hesitancy and Deaths Among Pregnant and Breastfeeding Women – Vietnam, 2015–2016. *Morbidity and Mortality Weekly report (MMWR) Weekly / March 2, 2018 / 67(8);250–252*. IF=12.89.
- 44.Kaneko M, Do LP, Doan YH, Nakagomi T, Gauchan P, Agbemabiese CA, **Dang AD**, Nakagomi O. Porcine-like G3P[6] and G4P[6] rotavirus A detected from children with diarrhoea in Vietnam. *Archives Virology*, 2018. IF=2.261.
- 45.Burnett E, Van Trang N, Rayamajhi A, Yousafzai MT, Satter SM, **Anh DD**, Thapa A, Qazi SH, Heffelfinger JD, Hung PH, Rayamajhi AK, Saddal N, Flora MS, Canh TM, Ali SA, Gurley ES, Tate JE, Yen C, Parashar UD. Preparing for safety monitoring after rotavirus vaccine introduction - Assessment of baseline epidemiology of intussusception among children <2 years of age in four Asian countries. *Vaccine*. 2018. IF=3.285.
- 46.Trang NV, Burnett E, Ly LH, Anh NP, Hung PH, Linh HM, Trang NCT, Canh TM, Minh VT, Tate JE, Yen C, **Anh DD**, Parashar UD. Recurrent intussusception among infants less than 2 years of age in Vietnam. *Vaccine*. 2018. IF=3.285.
- 47.Ting Shi, David A McAllister, Katherine L O'Brien, Eric A F Simoes, Shabir A Madhi, Bradford D Gessner, Fernando P Polack, Evelyn Balsells, Sozinho Acacio, Claudia Aguayo, Issifou Alassani, Asad Ali, Martin

Antonio, Shally Awasthi, Juliet O Awori, Eduardo Azziz-Baumgartner, Henry C Baggett, Vicky L Baillie, Angel Balmaseda, Alfredo Barahona, Sudha Basnet, Quique Bassat, Wilma Basualdo, Godfrey Bigogo, Louis Bont, Robert F Breiman, W Abdullah Brooks, Shobha Broor, Nigel Bruce, Dana Bruden, Philippe Buchy, Stuart Campbell, Phyllis Carosone-Link, Mandeep Chadha, James Chipeta, Monidarin Chou, Wilfrido Clara, Cheryl Cohen, Elizabeth de Cuellar, Duc-Anh Dang, Budragchaagiin Dash-yandag, Maria Deloria-Knoll, Mukesh Dherani, Tekchheng Eap, Bernard E Ebruke, Marcela Echavarria, Carla Cecília de Freitas Lázaro Emediato, Rodrigo A Fasce, Daniel R Feikin, Luzhao Feng, Angela Gentile, Aubree Gordon, Doli Goswami, Sophie Goyet, Michelle Groome, Natasha Halasa, Siddhivinayak Hirve, Nusrat Homaira, Stephen R C Howie, Jorge Jara, Imane Jroundi, Cissy B Kartasmita, Najwa Khuri-Bulos, Karen L Kotloff, Anand Krishnan, Romina Libster, Olga Lopez, Marilla G Lucero, Florencia Lucion, Socorro P Lupisan, Debora N Marcone, John P McCracken, Mario Mejia, Jennifer C Moisi, Joel M Montgomery, David P Moore, Cinta Moraleda, Jocelyn Moyes, Patrick Munywoki, Kuswandewi Mutyara, Mark P Nicol, D James Nokes, Pagbajabyn Nymadawa, Maria Tereza da Costa Oliveira, Histoshi Oshitani, Nitin Pandey, Gláucia Paranhos-Baccalà, Lia N Phillips MD, Valentina Sanchez Picot, Mustafizur Rahman, Mala Rakoto-Andrianarivelo, Zeba A Rasmussen, Barbara A Rath, Annick Robinson, Candice Romero, Graciela Russomando, Vahid Salimi, Pongpun Sawatwong, Nienke Scheltema, Brunhilde Schweiger, J Anthony G Scott, Phil Seidenberg, Kunling Shen, Rosalyn Singleton, Viviana Sotomayor, Tor A Strand, Agustinus Sutanto, Mariam Sylla, Milagritos D Tapia, Somsak Thamthitiwat, Elizabeth D Thomas, Rafal Tokarz, Claudia Turner, Marietjie Venter, Sunthareeya Waicharoen, Jianwei Wang, Wanitda Watthanaworawit, Lay-Myint Yoshida, Hongjie Yu, Heather J Zar, Harry Campbell, Harish Nair†, for RSV Global

- Epidemiology Network. Global, regional, and national disease burden estimates of acute lower respiratory infections due to respiratory syncytial virus in young children in 2015: a systematic review and modelling study. *The Lancet*. 2017. IF=53.254.
48. Lauren B. Carringtona, Bich Chau Nguyen Tran, Nhat Thanh Hoang Le, Tai Thi Hue Luong, Truong Thanh Nguyen, Phong Thanh Nguyen, Chau Van Vinh Nguyen, Huong Thi Cam Nguyen, Trung Tuan Vu, Long Thi Vo, Dui Thi Le, Nhu Tuyet Vu, Giang Thi Nguyen, Hung Quoc Luu, Anh Duc Dang, Timothy P. Hurste, Scott L. O’Neille, Vi Thuy Tran, Duong Thi Hue Kien, Nguyet Minh Nguyen, Marcel Wolbers, Bridget Wills, and Cameron P. Simmons. Field- and clinically derived estimates of *Wolbachia*-mediated blocking of dengue virus transmission potential in *Aedes aegypti* mosquitoes. *Proceedings of the National Academy of Sciences of the United States of America*, 115(2):201715788. IF=9.504.
49. CT Nguyen, NM Pham, VV Do, CW Binns, VM Hoang, **DA Dang** and AH Lee. Soyfood and isoflavone intake and risk of type 2 diabetes in Vietnamese adults. *European journal of clinical nutrition*. 71. 10.1038/ejcn.2017.76. IF=2.954.
50. Toizumi M, Nguyen GT, Motomura H, Nguyen TH, Pham E, Kaneko KI, Uematsu M, Nguyen HA, **Dang DA**, Hashizume M, Yoshida LM, Moriuchi H. Sensory defects and developmental delay among children with congenital rubella syndrome. *Scientific Reports*. 2017. IF=4.122.
51. Reiko Miyahara, Kensuke Takahashi, Nguyen Thi Hien Anh, Vu Dinh Thiem, Motoi Suzuki, Hiroshi Yoshino, Le Huu Tho, Hiroyuki Moriuchi, Sharon E. Cox, Lay Myint Yoshida, **Dang Duc Anh**, Koya Ariyoshi and Michio Yasunami. Exposure to paternal tobacco smoking increased child hospitalization for lower respiratory infections but not for other diseases in Vietnam. *Scientific Reports*. 2017. IF=4.122.

52. Nguyen Quang Huy, Contamin Lucie, Tran Thi Thanh Hoa, Nguyen Van Hung, Nguyen Thi Ngoc Lan, Nguyen Thai Son, Nguyen Viet Nhung, **Dang Duc Anh**, Bañuls Anne-Laure and Nguyen Thi Van Anh. Molecular analysis of pyrazinamide resistance in *Mycobacterium tuberculosis* in Vietnam highlights the high rate of pyrazinamide resistance-associated mutations in clinical isolates. *Emerging Microbes & Infections*. 2017. IF=2.64.
53. Lee JS, Lim JK, **Dang DA**, Nguyen THA, Farlow A. Dengue vaccine supplies and endemic and epidemic conditions in three dengue-endemic countries: Colombia, Thailand, and Vietnam. *Vaccine*. 2017. IF=3.285.
54. Nguyen HQ, Nguyen NV, Contamin L, Tran THT, Vu TT, Nguyen HV, Nguyen NLT, Nguyen ST, **Dang AD**, Bañuls AL, Nguyen VAT. Quadruple-first line drug resistance in *Mycobacterium tuberculosis* in Vietnam: What can we learn from gene? *Infections Genetics and Evolution*. 2017. IF=2.707.
55. Dao Tri Thuc, Tran Quang Huy, Luc Huy Hoang, Tran Huy Hoang, Anh-Tuan Le and **Dang Duc Anh**. Antibacterial Activity of Electrochemically Synthesized Colloidal Silver Nanoparticles Against Hospital-Acquired Infections. *Journal of Electronic Materials*. 2017. IF=1.566.
56. Diep NTN, Thai PQ, Trang NNM, Jäger J, Fox A, Horby P, Phuong HVM, **Anh DD**, Mai LTQ, VAN Doorn HR, Nadjm B. *Strongyloides stercoralis* seroprevalence in Vietnam. *Epidemiol. Infect.* 2017. IF= 1.128.
57. Meng Ling Moi, Thi Thu Thuy Nguyen, Co Thach Nguyen, Thi Bich Hau Vu, Mya Myat Ngwe Tun, Tho Duoc Pham, Ngoc Thanh Pham, Thuan Tran, Kouichi Morita, Thi Quynh Mai Le, **Duc Anh Dang**, Futoshi Hasebe. Zika virus infection and microcephaly in Vietnam. *The Lancet*. 2017. IF=25,148.
58. Maertens K, Hoang TT, Nguyen TD, Caboré RN, Duong TH, Huygen K, Hens N, Van Damme P, **Dang DA**, Leuridan E. The Effect of Maternal Pertussis Immunization on Infant Vaccine Responses to a Booster Pertussis-

- Containing Vaccine in Vietnam. *Clinical Infectious Diseases*, 2016:63 (Suppl 4). IF=8.9
59. Nguyen DNT, Mai LQ, Bryant JE, Hang NLK, Hoa LNM, Nadjm B, Thai PQ, Duong TN, **Anh DD**, Horby P, van Doorn HR, Wertheim HFL, Fox A. Epidemiology and etiology of influenza-like-illness in households in Vietnam; it's not all about the kids! *Journal of Clinical Virology* 82. 2016. 126–132. IF=2.27.
60. **Anh DD**, Van Der Meeren O, Karkada N, Assudani D, Yu TW, Han HH. Safety and reactogenicity of the combined diphtheria-tetanus-acellular pertussis-inactivated poliovirus-Haemophilus influenzae type b (DTPa-IPV/Hib) vaccine in healthy Vietnamese toddlers: An open-label, phase III study. *Hum Vaccin Immunother*. 2016. IF=2.157.
61. **Anh DD**, Jayadeva G, Kuriyakose S, Han HH. The safety and reactogenicity of a reduced-antigen-content diphtheria-tetanus-acellular pertussis (dTpa) booster vaccine in healthy Vietnamese children. *Vaccine*. Volume 34, Issue 37, 17 August 2016, Pages 4360-4363. IF=3.235.
62. Riewpaiboon A, Shin S, Le TP, Vu DT, Nguyen TH, Alexander N, **Dang DA**; Rotavirus Economic Study Group. Cost of rotavirus diarrhea for programmatic evaluation of vaccination in Vietnam. *BMC Public Health*. 2016 16:777. IF=3.
63. Vynnycky E, Yoshida LM, Huyen DT, Trung ND, Toda K, Cuong NV, Thi Hong D, Ariyoshi K, Miyakawa M, Moriuchi H, Tho le H, Nguyen HA, **Duc Anh D**, Jit M, Hien NT. Modeling the impact of rubella vaccination in Vietnam. *Hum Vaccin Immunother*. 2016;12(1):150-8. IF=1.44.
64. Yamanashi H, Ngoc MQ, Huy TV, Suzuki M, Tsujino A, Toizumi M, Takahashi K, Thiem VD, **Anh DD**, Anh NT, Tho le H, Maeda T, Cox SE, Yoshida LM, Ariyoshi K. Population-Based Incidence Rates of First-Ever Stroke in Central Vietnam. *PLoS One*. 2016 Aug 11. IF=2.806.

65. Yoshihara K, Le MN, Okamoto M, Wadagni AC, Nguyen HA, Toizumi M, Pham E, Suzuki M, Nguyen AT, Oshitani H, Ariyoshi K, Moriuchi H, Hashizume M, **Dang DA**, Yoshida LM. Association of RSV-A ON1 genotype with Increased Pediatric Acute Lower Respiratory Tract Infection in Vietnam. *Sci Rep*. 2016 Jun 16. IF=5.
66. Nguyen VA, Bañuls AL, Tran TH, Pham KL, Nguyen TS, Nguyen HV, Nguyen NL, Nguyen NL, **Dang DA**, Marks GB, Choisy M. Mycobacterium tuberculosis lineages and anti-tuberculosis drug resistance in reference hospitals across Viet Nam. *BMC Microbiol*. 2016 Jul 28;16(1):167. IF=3.1.
67. **Anh DD**, Thiem VD, Anh NTH, Huong VM, Nga NT, Thang TC, Thai DH, Chien VC, Holt R, Wahid R, Flores J, Berlanda Scorza F, Taylor DN. Randomized safety and immunogenicity trial of a seasonal trivalent inactivated split virion influenza vaccine (IVACFLU-S) in healthy young Vietnamese adults. *Vaccine*. 2016 August. IF=3.6.
68. Yoshihara K, Le MN, Nagasawa K, Tsukagoshi H, Nguyen HA, Toizumi M, Moriuchi H, Hashizume M, Ariyoshi K, **Dang DA**, Kimura H, Yoshida LM. Molecular evolution of respiratory syncytial virus subgroup A genotype NA1 and ON1 attachment glycoprotein (G) gene in central Vietnam. *Infection, Genetics and Evolution*. 2016 Oct. IF=2.26.
69. Do LP, Kaneko M, Nakagomi T, Gauchan P, Agbemabiese CA, **Dang AD**, Nakagomi O. Molecular Epidemiology of Rotavirus A, Causing Acute Gastroenteritis Hospitalisations among Children in Nha Trang, Vietnam, 2007-2008: Identification of Rare G9P[19] and G10P[14] strains. *Journal of Medical Virology*/2016. IF=1.998.
70. Do LP, Doan YH, Nakagomi T, Kaneko M, Gauchan P, Ngo CT, Nguyen MB, Yamashiro T, **Dang AD**, Nakagomi O. Molecular characterisation of wild-type G1P[8] and G3P[8] rotaviruses isolated in Vietnam 2008 during a vaccine trial. *Archives Virology*. 2016. IF=2.255.

71. Nguyen DNT, Mai LQ, Bryant JE, Hang NLK, Hoa LNM, Nadjm B, Thai PQ, Duong TN, **Anh DD**, Horby P, van Doorn HR, Wertheim HFL, Fox A. Epidemiology and etiology of influenza-like-illness in households in Vietnam; it's not all about the kids! J Clin Virol. 2016 Sep;82:126-132. doi: 10.1016/j.jcv.2016.07.014. Epub 2016 Jul 26. PMID: 27479176; PMCID: PMC4994428. IF=2.647.

72. Hoang HT, Leuridan E, Maertens K, Nguyen TD, Hens N, Vu NH, Caboré RN, Duong HT, Huygen K, Van Damme P, **Dang AD**. Pertussis vaccination during pregnancy in Vietnam: Results of a randomized controlled trial Pertussis vaccination during pregnancy. Vaccine. 2016 Jan 2;34(1):151-9. IF=3.235.

2.3. Các nhiệm vụ khoa học và công nghệ (chương trình và đề tài tương đương cấp Bộ trở lên)

a) Tổng số chương trình, đề tài đã chủ trì/chủ nhiệm: 04 cấp Nhà nước; 02 đề tài nhánh cấp Nhà nước; 01 cấp Bộ và tương đương.

b) Danh mục đề tài tham gia đã được nghiệm thu trong 05 năm liền kề với thời điểm được bổ nhiệm thành viên Hội đồng gần đây nhất (*tên đề tài, mã số, thời gian thực hiện, cấp quản lý đề tài, trách nhiệm tham gia trong đề tài*):

Đề tài “Đánh giá tính an toàn và tính sinh miễn dịch của vắc xin Rotavin-M1 sống, uống phòng bệnh tiêu chảy ở Việt Nam (Giai đoạn I, II và III)”, thuộc đề tài Khoa học công nghệ cấp Nhà nước “Đánh giá tính an toàn và tính sinh miễn dịch của vắc xin Rotavin-M1 sống giảm độc lực, uống phòng bệnh tiêu chảy cho trẻ em ở Việt Nam”, mã số KC.33/06-10 thuộc chương trình KC10/06-10. Đồng chủ nhiệm đề tài.

Đề tài: “Mối liên hệ giữa kháng nguyên nhóm máu và khả năng nhiễm Norovirus ở trẻ em”. Đề tài Quỹ Nafosted.

2.4. Công trình khoa học khác (nếu có)

a) Tổng số công trình khoa học khác:

- Tổng số có: 1 sáng chế, giải pháp hữu ích
- Tổng số có: tác phẩm nghệ thuật
- Tổng số có: thành tích huấn luyện, thi đấu

b) Danh mục bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích, tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu trong 5 năm trở lại đây (*tên tác giả, tên công trình, số hiệu văn bằng, tên cơ quan cấp*):

Phương pháp tạo kit để phát hiện sớm vi rút dengue. Bằng độc quyền sáng chế số 20392, cấp theo Quyết định số 30/QĐ-SHTT ngày 02/1/2019

2.5. Hướng dẫn nghiên cứu sinh (NCS) đã có quyết định cấp bằng tiến sĩ

a) Tổng số: 9 NCS đã hướng dẫn chính

b) Danh sách NCS hướng dẫn thành công trong 05 năm liền kề với thời điểm được bổ nhiệm thành viên Hội đồng gần đây nhất (*Họ và tên NCS, đề tài luận án, cơ sở đào tạo, năm bảo vệ thành công, vai trò hướng dẫn*):

STT	Họ và tên NCS	Đề tài luận án	Cơ sở đào tạo	Năm bảo vệ thành công	Vai trò hướng dẫn
1.	Nguyễn Thị Vân Anh	Dịch tễ học phân tử bệnh lao tại Việt Nam (2003-2009)	Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương	2012	Hướng dẫn chính
2.	Vũ Văn Thành	Nghiên cứu căn nguyên gây nhiễm trùng hô hấp cấp tính ở trẻ em dưới 5 tuổi tại Nha Trang năm 2009	Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương	2012	Hướng dẫn chính
3.	Đặng Hương Giang	Đặc điểm dịch tễ học bệnh hen phế quản ở trẻ em 13-14 tuổi và	Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương	2014	Hướng dẫn chính

		hiệu quả can thiệp bằng giáo dục sức khỏe ở hai quận của Hà Nội			
4.	Bùi Đức Nguyên	Đánh giá tính an toàn và tính sinh miễn dịch của vắc xin Rotavin-M1 do Việt Nam sản xuất	Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương	2014	Hướng dẫn chính
5.	Hoàng Vũ Mai Phương	Tính kháng thuốc Oseltamivir của virus cúm A lưu hành tại miền Bắc Việt Nam, 2001 - 2012	Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương	2014	Hướng dẫn chính
6.	Vũ Ngọc Hà	Tính an toàn, đáp ứng miễn dịch của vắc xin ho gà vô bào ở phụ nữ mang thai, ảnh hưởng của kháng thể từ mẹ truyền sang con	Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương	2016	Hướng dẫn phụ
7.	Nguyễn Thị Mai An	Hiệu Quả Và Một Số Yếu Tố Ảnh Hưởng Đến Việc Áp Dụng Quy Trình Chuyên Môn Tại Một Số Bệnh Viện	Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương	2018	Hướng dẫn chính

8.	Nguyễn Lương Tâm	Hiệu quả sử dụng Vitamin D trong dự phòng hội chứng hô hấp cấp do vi rút ở người khỏe mạnh tại cộng đồng huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam	Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương	2018	Hướng dẫn chính
9.	Tống Thị Hà	Nghiên cứu sự lưu hành các typ huyết thanh và gen kháng kháng sinh của Streptococcus pneumoniae gây bệnh bằng kỹ thuật PCR đa môi tại một số địa phương ở Việt Nam	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội	2019	Hướng dẫn chính
10.	Trần Diệu Linh	Nghiên cứu ở mức độ phân tử khả năng kháng carbapenem của một số vi khuẩn Gram âm phân lập từ bệnh nhân tại Bệnh viện Việt Đức và Bệnh viện Trung ương Quân đội 108	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội	2019	Hướng dẫn chính

3. Các thông tin khác

3.1. Danh mục các công trình khoa học chính trong cả quá trình (Bài báo khoa học, sách chuyên khảo, giáo trình, sáng chế, giải pháp hữu ích, tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu...; khi liệt kê công trình, có thể thêm chú dẫn về phân loại tạp chí, thông tin trích dẫn...):

10 công trình khoa học tiêu biểu:

1. Tran Nhu Duong, Le Thi Quynh Mai, Nguyen Tran Hien, Ngu Duy Nghia, Nguyen Trong Khoa, Nguyen Hai Tuan, Tran Anh Tu, Ngo Huy Tu, Hoang Vu Mai Phuong and **Dang Duc Anh (correspondence)**. The first community outbreak of COVID-19 in Viet Nam: description and lessons learned. WPSAR Vol 12, No 2, 2021 | doi: 10.5365/wpsar.2020.11.2.016. Scopus (Q2)
2. Thai Quang Pham, Ngoc-Anh Hoang, Ha-Linh Quach, Khanh Cong Nguyen, Samantha Colquhoun, Stephen Lambert, Luong Huy Duong, Quang Dai Tran, Duc Anh Ha, Dinh Cong Phung, Nghia Duy Ngu, Tu Anh Tran, Quang Ngoc La, Tai Trong Nguyen, Quynh Mai Thi Le, Duong Nhu Tran, Florian Vogt and **Duc-Anh Dang (last authorship)**. Timeliness of contact tracing among flight passengers during the COVID-19 epidemic in Vietnam. BMC infectious Diseases. 2021, 21:393, <https://doi.org/10.1186/s12879-021-06067-x>. SCIE (IF: 2,688)
3. Pham Quang Thai, Maia A Rabaa, Duong Huy Luong, Dang Quang Tan, Tran Dai Quang, Ha-Linh Quach, Ngoc-Anh Hoang Thi, Phung Cong Dinh, Ngu Duy Nghia, Tran Anh Tu, La Ngoc Quang, Tran My Phuc, Vinh Chau, Nguyen Cong Khanh, **Dang Duc Anh (Correspondence)**, Tran Nhu Duong, Guy Thwaites, H Rogier van Doorn, and Marc Choisy⁴; OUCRU COVID-19 Research Group. The First 100 Days of Severe Acute Respiratory Syndrome Coronavirus 2 (SARS-CoV-2) Control in Vietnam. Clinical Infectious Diseases, 2020; XX(XX): 1–9. SCIE (IF: 8,313)
4. **Anh DD**, Choisy M, Clapham HE, Cuong HQ, Dung VTV, Duong TN, Hang NLK, Ha HTT, Hien NT, Hoa TTN, Hung TTM, Huong VTL, Huyen DTT,

- Khanh NC, Lewycka SO, Linley E, Mai LTQ, Nadjm B, Nghia ND, Pebody R, Phuong HVM, Tan LM, Van Tan L, Thai PQ, Thanh LV, Le Thanh NT, Thuy NTT, Thuong NT, Thanh LT, Thao NTT, Tuan NA, Uyen PTN, Rogier van Doorn H. Plans for Nationwide Serosurveillance Network in Vietnam. *Emerg Infect Dis.* 2020 Jan;26(1):e190641. doi: 10.3201/eid2601.190641. PMID: 31855527; PMCID: PMC6924907. IF=7,42.
5. Nguyen HTT, Tran CH, **Dang AD**, Tran HGT, Vu TD, Pham TN, Nguyen HV, Nguyen ANK, Pieracci EG, Tran DN. Rabies Vaccine Hesitancy and Deaths Among Pregnant and Breastfeeding Women – Vietnam, 2015–2016. *Morbidity and Mortality Weekly report (MMWR) Weekly / March 2, 2018 / 67(8);250–252.* IF=12,89.
6. Meng Ling Moi, Thi Thu Thuy Nguyen, Co Thach Nguyen, Thi Bich Hau Vu, Mya Myat Ngwe Tun, Tho Duoc Pham, Ngoc Thanh Pham, Thuan Tran, Kouichi Morita, Thi Quynh Mai Le, **Duc Anh Dang**, Futoshi Hasebe. Zika virus infection and microcephaly in Vietnam. *The Lancet.* 2017. IF=53,254.
7. **Anh DD**, Jayadeva G, Kuriyakose S, Han HH. The safety and reactogenicity of a reduced-antigen-content diphtheria-tetanus-acellular pertussis (dTpa) booster vaccine in healthy Vietnamese children. *Vaccine.* Volume 34, Issue 37, 17 August 2016, Pages 4360-4363. IF=3,235.
8. **Anh DD**, Van Der Meeren O, Karkada N, Assudani D, Yu TW, Han HH. Safety and reactogenicity of the combined diphtheria-tetanus-acellular pertussis-inactivated poliovirus-Haemophilus influenzae type b (DTPa-IPV/Hib) vaccine in healthy Vietnamese toddlers: An open-label, phase III study. *Hum Vaccin Immunother.* 2016. IF=2,157
9. **Anh DD**, Thiem VD, Anh NTH, Huong VM, Nga NT, Thang TC, Thai DH, Chien VC, Holt R, Wahid R, Flores J, Berlanda Scorza F, Taylor DN. Randomized safety and immunogenicity trial of a seasonal trivalent inactivated

split virion influenza vaccine (IVACFLU-S) in healthy young Vietnamese adults. Vaccine. 2016 August. IF=3,6.

10.Zaman K, **Dang DA**, Victor JC, Shin S, Yunus M, Dallas MJ, Podder G, Vu DT, Le TP, Luby SP, Le HT, Coia ML, Lewis K, Rivers SB, Sack DA, Schödel F, Steele AD, Neuzil KM, Ciarlet M. Efficacy of pentavalent rotavirus vaccine against severe rotavirus gastroenteritis in infants in developing countries in Asia: a randomised, double-blind, placebo-controlled trial. Lancet. 2010 Aug 21;376(9741):615-23. IF=32,774.

3.2. Giải thưởng về nghiên cứu khoa học trong và ngoài nước (nếu có):

.....

3.3. Các thông tin về chỉ số định danh ORCID, hồ sơ Google scholar, H-index, số lượt trích dẫn (nếu có):

Chỉ số định danh ORCID: <https://orcid.org/0000-0002-2380-2431>.

H-index: 39.

Chỉ số trích dẫn theo Research Gate tháng 4/2021: 5.878.

3.4. Ngoại ngữ

- Ngoại ngữ thành thạo phục vụ công tác chuyên môn: Tiếng Anh

- Mức độ giao tiếp bằng tiếng Anh: Tốt

Tôi xin cam đoan những điều khai trên là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 29 tháng 4 năm 2021

NGƯỜI KHAI

(Ký và ghi rõ họ tên)



Đặng Đức Anh